Ngày soạn: 20/9/16

Ngày dạy:

**Tiết 7**

**ÔN TẬP**

Ngày dạy:

Ngày soạn: 16 – 9 – 2015

**I MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

* Biết được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời, hình dạng, kích thước của Trái Đất.
* Trình bày được khái niệm kinh tuyến, vĩ tuyến. Biết quy ước về kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc, kinh tuyến đông, kinh tuyến tây, vĩ tuyến bắc, vĩ tuyến nam. Nửa cầu đông, nửa cầu tây, nửa cầu bắc, nửa cầu nam.
* Biết phương hướng trên bản đồ và một số yếu tố cơ bản của bản đồ: tỉ lệ bản đồ, kí hiệu bản đồ, lưới kinh vĩ tuyến.

**2. Kĩ năng**

* Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời trên hình vẽ.
* Xác định được: kinh tuyến gốc, các kinh tuyến Đông và kinh tuyến Tây; vĩ tuyến gốc, các đường vĩ tuyến Bắc và vĩ tuyến Nam; nửa cầu Đông và nửa cầu Tây, nửa cầu Bắc và nửa cầu Nam trên bản đồ và quả Địa Cầu.
* Dựa vào tỉ lệ bản đồ tính được khoảng cách trên thưc tế theo đường chim bay (đường thẳng) và ngược lại.
* Xác định được phương hướng, tọa độ địa lí của một điểm trên bản đồ và quả Địa Cầu.
* Đọc và hiểu nội dung bản đồ dựa vào kí hiệu bản đồ

**3. Về thái độ:** Yêu quý Trái Đất – môi trường sống của con người, có ý thức bảo vệ các thành phần tự nhiên của môi trường.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**: Bản đồ tự nhiên Đông Nam Á. Phiếu học tập.

**2. Học sinh**: Trả lời câu hỏi ôn tập chương 1 vở bài tập. Làm phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG**

**1. Ổn định lớp**

**2. Bài cũ**: Giáo viên kiểm tra việc hoàn thành bài ôn tập của học sinh.

**3. Bài ôn tập:**

\* Giáo viên: giới thiệu nội dung bài ôn tập.

\* Tiến trình bài ôn tập.

* Giáo viên chia lớp làm 4 nhóm: giao nhiệm vụ cho từng nhóm.
* Các nhóm thảo luận và cử đại diện lên trình bày. Các nhóm khác nhận xét và bổ sung.
* Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức.

Thảo luận nhóm:

**Nhóm 1: Nhóm Trái Đất: Đặc điểm của Trái Đất:**

a. Hoàn thành sơ đồ sau:

*Là một trong 8 hành tinh cách Mặt Trời*

Trái Đất trong vũ trụ

Hình dạng kích thước

Hệ thống kinh, vĩ tuyến

*- Kinh tuyến: đường nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu.*

*- Vĩ tuyến:* Nửa bề mặt địa cầu tính từ Xích đạo đến cực Bắc.

*- Hình cầu*

*- Bán kính dài: 6370 km.*

*- Chiều dài đường xích đạo: 40076 km.*

Vị trí

b. Nối ý A và B sao cho đúng: *quy ước về kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc; kinh tuyến Đông, kinh tuyến Tây; vĩ tuyến Bắc, vĩ tuyến Nam; nửa cầu Đông, nửa cầu Tây, nửa cầu Bắc, nửa cầu Nam*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Khái niệm | Đáp án | Nội dung |
| 1. Kinh tuyến gốc |  | a. Kinh tuyến số 00, đi qua đài thiên văn Grin- uýt ở ngoại ô thành phố Luân Đôn (nước Anh) |
| 2. Vĩ tuyến gốc |  | b.Vĩ tuyến số 00 (Xích đạo) |
| 3. Kinh tuyến Đông |  | c. Những kinh tuyến nằm bên phải kinh tuyến gốc |
| 4 Kinh tuyến Tây |  | d. Những kinh tuyến nằm bên trái kinh tuyến gốc. |
| 5. Vĩ tuyến Bắc |  | e. Những vĩ tuyến nằm từ Xích đạo đến cực Bắc. |
| 6. Vĩ tuyến Nam |  | f. Những vĩ tuyến nằm từ Xích đạo đến cực Nam. |
| 7. Nửa cầu Bắc |  | g. Nửa bề mặt địa cầu tính từ Xích đạo đến cực Bắc. |
| 8. Nửa cầu Nam |  | h. Nửa bề mặt địa cầu tính từ Xích đạo đến cực Nam. |
| 9. Nửa cầu Đông |  | k. Nửa cầu nằm bên phải vòng kinh tuyến 200T và 1600Đ, trên đó có các châu: Âu, Á, Phi và Đại Dương. |
| 10. Nửa cầu Tây |  | l. Nửa cầu nằm bên trái vòng kinh tuyến 200T và 1600Đ, trên đó có toàn bộ châu Mĩ. |

c. Hãy vẽ một hình tròn tượng trưng cho Trái Đất và ghi trên đó: cực Bắc, cực Nam, đường xích đạo, nửa cầu Bắc, nửa cầu Nam.

**Nhóm 2: Nhóm Tỉ lệ bản đồ**

a. Hãy nối từng cặp ô chữ bên trái và ô chữ bên phải để thành một câu đúng:

Tỉ lệ bản đồ

Tỉ lệ bản đồ càng lớn thì

Tỉ lệ bản đồ có liên quan đến

Mức độ thu nhỏ của khoảng cách được vẽ trên bản đồ so với thực tế mặt đất

Mức độ chi tiết của nội dung bản đồ càng cao

Mức độ thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ

b. - Tỉ lệ bản đồ là gì? Có mấy loại tỉ lệ bản đồ?

- Hai thành phố A và B cách nhau 85 km. Hỏi trên bản đồ tỉ lệ: 1: 1000.000 khoảng cách đó là bao nhiêu cm?

Trả lời:

- Tỉ lệ bản đồ là tỉ số giữa khoảng cách trên bản đồ so với khoảng cách tương ứng ngoài thực địa. Có 2 loại tỉ lệ bản đồ:

+ Tỉ lệ số là phân số có tử số luôn luôn là 1. Tử là số chỉ khoảng cách trên bản đồ, mẫu là số chỉ khoảng cách trên thực địa. Ví dụ: Bản đồ có tỉ lệ số: 1: 500.000 thì 1 cm trên bản đồ ứng với 500 000cm hay 5km ngoài thực địa.

+ Tỉ lệ thước: là tỉ lệ được vẽ cụ thể dưới dạng một thước đo đã tính sẵn, mỗi đoạn trên thước có ghi số độ dài tương ứng trên thực địa. Ví dụ mỗi đoạn 1cm trên thước tương ứng với 1km hoặc 5km … trên thực địa.

- Đổi 85km ra 8.500.000 cm

Làm phép tính: 8.500.000 : 1000.000 = 8,5 cm

c. Em hãy ghi tiếp chữ số các ô còn trống dưới bảng đây:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Bản đồ tỉ lệ: 1: 300.000 | | | | Bản đồ tỉ lệ: 1: 1000.000 | | | |
| Khoảng cách trên bản đồ(cm) | 5 | ***40*** | 13 | ***100*** | ***10*** |  | ***17*** |  |
| Khoảng cách trên thực tế(m) | ***1500*** | 12000 | ***3900*** | 30000 |  | ***10000*** |  | ***5000*** |

**Nhóm 3: nhóm phương hướng trên bản đồ kinh độ, vĩ độ và toạ độ địa lí**

a. Các hướng chính trên bản đồ được quy ước và thường dùng là những hướng nào?

- Muốn xác định phương hướng trên bản đồ ta phải làm gì?

Trả lời:

+ Phương hướng chính trên bản đồ (8 hướng chính)

+ Cách xác định phương hướng trên bản đồ:

* Với bản đồ có kinh tuyến, vĩ tuyến: phải dựa vào các đường kinh tuyến và vĩ tuyến để xác định phương hướng.
  + Với các bản đồ không vẽ kinh, vĩ tuyến: phải dựa vào mũi tên chỉ hướng bắc trên bản đồ để xác định hướng Bắc, sau đó tìm các hướng còn lại.

b. Điền các từ còn thiếu vào chỗ … sau đây:

* + - Kinh độ: … … … …. … … … … … … … … … … … … … … … …
    - Vĩ độ: … … … … … … … … … … … … … … … … … … … … …
    - Toạ độ địa lí của một điểm: … … … … … … … … … … … … … … …
    - Cách viết toạ độ địa lí một điểm: … … … … … … … … … … … … … …

c. Xác định tọa độ địa lý của các điểm trong hình dưới đây:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | D |  |  |  | A |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | C |  |  |  |  |
|  |  |  |  | B |  |
|  |  |  |  |  |  |

200 100 00 100 200

300

200

100

00

100

200

300

- -

A B

- -

- -

C D

- -

**Nhóm 4: Nhóm kí hiệu bản đồ.**

a. Kí hiệu bản đồ là gì?Vì sao muốn hiểu kí hiệu bản đồ phải xem bảng chú giải?

Trả lời:

- Kí hiệu bản đồ là những dấu hiệu quy ước dùng để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ.Kí hiệu bản đồ rất đa dạng, đó là những hình vẽ, màu sắc … thể hiện sự vật địa lí trên bản đồ.

- Vì: các kí hiệu dùng cho bản đồ có rất nhiều loại và có tính quy ước, bản chú giải giúp giải thích ý nghĩa, nội dung của kí hiệu.

b. Quan sát bảng chú giải sau hãy:

- Kể tên một số đối tượng địa lí được biểu hiện bằng các **loại** kí hiệu: điểm, đường, diện tích?

- Kể tên các đối tượng địa lí được biểu hiện bằng các **dạng** kí hiệu: hình học, chữ, tượng hình?

c. Có mấy cách thể hiện độ cao địa hình trên bản đồ?

- Quan sát hình vẽ sau: cho biết độ cao các điểm A: … … … … … … … … …

B: … … … … … … … … …

C: … … … … … … … … …

D: … … … … … … … … … …

E: … … … … … … … … … …

- Cho biết sườn phía Đông và phía Tây sườn nào dốc hơn? Tại sao em biết?

**3 Củng cố**

a. Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của từng nhóm.

b. Chữa các bài tập khó trong vở bài tập mà học sinh yêu cầu.

**4 Dặn dò**: Ôn tập kiến thức tốt để giờ sau kiểm tra một tiết.